

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/KDTM-PT

Ngày: 17-4-2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 802/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N3 (A);

Địa chỉ: Số B, đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Trung Q – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N3 – Chi nhánh thị xã C, Tiền Giang (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022) (có mặt);

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn M.

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thảo Q1 – Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đức N, sinh năm 1975 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Số A, đường B, Khu phố B, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 14.16 C/c T, Khu phố E, Phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị Ngọc P, sinh năm 1952 (vắng mặt);

3.2. Ông Nguyễn Đăng Quốc T, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.3. Bà Nguyễn Đăng Thùy T1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

3.4. Ông Nguyễn Đăng Quốc T2, sinh năm 1982 (vắng mặt);

3.5. Bà Lai Thị T3, sinh năm 1973 (vắng mặt);

3.6. Bà Võ Hồng C, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.7. Em Nguyễn Quốc V1, sinh năm 2018 ;

3.8. Em Nguyễn Nhật L, sinh năm 2020;

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho em Nguyễn Quốc V1, Nguyễn Nhật L: Ông Nguyễn Đăng Quốc T2, sinh năm 1982 và bà Võ Hồng C, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

3.10. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1965 (vắng mặt);

3.11. Ông Nguyễn Minh L2, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số F, Khu phố C, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.12. Bà Nguyễn Đăng Thanh T4, sinh năm 1976 (vắng mặt);

HKTT: Số A, đường B, Khu phố B, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 14.16 C/c T, Khu phố E, Phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Ông Phan Đắc N, sinh năm 1975 (có mặt);

HKTT: Số A, đường B, Khu phố B, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 14.16 C/c T, Khu phố E, Phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Ông Phan Văn D1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

3.15. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt);
3.16. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1974 (vắng mặt);
3.17. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2000 (vắng mặt);
3.18. Chị Huỳnh Thị Yến N2, sinh năm 2003 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Khu phố C, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.19. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1964 (vắng mặt);
Địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố C, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2024 của Ngân hàng N3 (A), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Trung Q trình bày:

Ngân hàng N3 (A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn M, đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thảo Q1 có ký hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng 6907-LAV-202302614 ngày 28/7/2023;

- Số tiền cấp hạn mức: 3.000.000.000 đồng.

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động may gia công.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 28/7/2024;

- Lãi suất vay: 9%/năm;

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;

- Lãi chậm trả đối với khoản vay không trả đúng hạn được tính bằng (số dư nợ lãi bị quá hạn x với số ngày quá hạn x 10 %/năm: 365);

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn M May Thế B đã ký với A hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 0855/34/19 ngày 24/12/2019. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 357, tờ bản đồ 6, diện tích 10.820 m², tọa lạc ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận QSDĐ số H00096 do UBND huyện M cấp ngày 20/4/2005 cho ông Phan Văn D1.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0630/34/22 ngày 28/7/2022. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 66, tờ bản đồ 7, diện tích 836,5 m², tọa lạc ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số H04364 do UBND huyện C cấp ngày 21/01/2008 và những thay đổi ghi trên trang 04 của giấy chứng nhận.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0631/34/22 ngày 28/7/2022. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ 11, diện tích 696 m², tọa lạc khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận QSDĐ số H02337 do UBND huyện C cấp ngày 10/9/2007 cho hộ bà Đặng Thị Ngọc P.

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 210, tờ bản đồ 11, diện tích 1.389 m², tọa lạc khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận QSDĐ số H02336 do UBND huyện C cấp ngày 10/9/2007 cho hộ bà Đặng Thị Ngọc P.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0632/34/22 ngày 28/7/2022. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 33, tờ bản đồ 77, diện tích 506,1 m², tọa lạc phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01260 do UBND huyện C cấp ngày 09/12/2011 cho ông Nguyễn Văn L1.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0633/34/22 ngày 28/7/2022. Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa đất số 22, tờ bản đồ 77, diện tích 1.030,6 m², tọa lạc Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số H02600 do UBND huyện C cấp ngày 19/6/2006 cho hộ ông Nguyễn Văn L1.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 0634/34/22 ngày 28/7/2022. Tài sản thế chấp gồm:

+ Tủ lạnh: 01 chiếc, nhãn hiệu ISUZU, biển số 63C-126.28.

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021720 do Công an tỉnh T cấp ngày 04/10/2018, đứng tên Công ty TNHH M.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0635/34/22 ngày 28/7/2022. Tài sản bảo đảm gồm:

+ 32 (bộ) Máy may một kim điện tử;

+ 07 (bộ) Máy vắt sợi;

+ 03 (bộ) Máy may hai kim điện tử;

+ 02 (bộ) Máy đing bộ điện tử.

+ Giấy tờ: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000050 ngày 17/3/2014 của Công ty TNHH M và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004426 ngày 03/11/2017 của Công ty TNHH M.

A đã giải ngân và ông Phan Đắc N là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M đã rút vốn tổng số tiền: 3.000.000.000 đồng, cụ thể:

- Theo giấy nhận nợ số 6907-LDS-2023.04760 ngày 22/9/2023:
- + Số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng;
- + Phương thức giải ngân: Tiền mặt;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền lương nhân viên;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 22/9/2023 đến ngày 22/3/2024);
- + Phương thức trả nợ gốc: Định kỳ 06 tháng, vào ngày 22/3/2024;
- + Phương thức trả lãi vay: Định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 22/12/2023, 22/3/2024;
- + Lãi suất tiền vay trong hạn hiện hành: 9,0%/năm;
- + Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả;
- + Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Theo giấy nhận nợ số 6907-LDS-2023.04786 ngày 25/9/2023:
- + Số tiền nhận nợ: 2.400.000.000 đồng;
- + Phương thức giải ngân: Chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản số 6907215085071 của bà Phạm Thị Ngọc K tại A chi nhánh thị xã C;
- + Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán mua nguyên phụ liệu;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/3/2024);
- + Phương thức trả nợ gốc: Định kỳ 06 tháng, vào ngày 25/3/2024;
- + Phương thức trả lãi vay: Định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 25/12/2023, 25/3/2024;
- + Lãi suất tiền vay trong hạn hiện hành: 9,0%/năm;
- + Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả;
- + Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10/12/2024, Công ty TNHH M còn nợ A tổng số tiền: 3.361.943.689 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 361.943.689 đồng.

- A đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về thu hồi nợ trước hạn. Nhưng khách hàng đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc các người thế chấp, người đồng sở hữu tài sản thế chấp là bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Đăng Quốc T, bà Nguyễn Đăng Thùy T1, ông Nguyễn Đăng Quốc T2, bà Lai Thị T3, ông Nguyễn Văn L1, bà Phan Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh L2, bà Nguyễn Đăng Thanh T4, ông Phan Đắc N, ông Phan Văn D1 phải trả cho Ngân hàng N3 – Chi nhánh thị xã C số tiền tổng cộng là 3.080.770.988 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26/02/2024 là 80.770.988 đồng) cùng nợ lãi phát sinh đến khi tắt nợ vay và các khoản phí, chi phí có liên quan. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty TNHH M phải trả cho Ngân hàng N3 – Chi nhánh thị xã C số tiền tổng cộng là 3.361.943.689 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 10/12/2024 là 361.943.689 đồng) cùng nợ lãi phát sinh đến khi tắt nợ vay và các khoản phí, chi phí có liên quan. Trả một lần khi án có hiệu lực thi hành. Trong trường hợp chậm trả, đề nghị tính lãi phạt chậm thi hành đến ngày trả dứt nợ.

- Nếu Công ty TNHH M không trả nợ. Đề nghị cơ quan pháp luật phát mãi tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M có đại diện theo pháp luật là bà Phan Thảo Q1 đã được Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và có nộp văn bản số 09/CV.TB ngày 10/6/2024, văn bản số 10/CV.TB ngày 08/8/2024 bà Phan Thảo Q1 trình bày với nội dung như sau:

“Còn về khoản nợ ngân hàng thì theo tôi được biết rằng: Ba tôi đang kêu bán và đưa ra hướng xử lý để có tiền trả nợ và lãi cho A như sau:

1/ Thừa đất (có nhà xưởng gắn liền với đất) ở ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang diện tích 836,5 m² do ba mẹ tôi đứng tên đồng chủ sở hữu. Giá trị thừa đất này khoảng 2,5 tỷ đến 2,7 tỷ.

2/ Thừa đất tọa lạc tại đường L, khu phố C, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang diện tích 985,2 m² do ba tôi đứng tên chủ sở hữu. Giá trị thừa đất này hơn 10 tỷ.

3/ Ba tôi đang làm thủ tục sang tên thừa đất đường Lê Quang C1 cho người anh bà con của tôi làm thủ tục vay ngân hàng (do ba tôi bị nợ xấu không đứng vay được, còn tôi thì còn nhỏ tuổi quá ngân hàng không cho vay) để hoàn trả tiền nợ lại cho ngân hàng A trong thời gian sớm nhất có thể.

Còn theo Công văn số 09/CV.TB ngày 10.6.2024 Công ty chúng tôi cam kết chậm nhất đến ngày 15.2.2025 Công ty chúng tôi sẽ trả dứt điểm nợ gốc 3 tỷ đồng và lãi (trong hạn và quá hạn) phát sinh đến thời điểm trả nợ đồng thời gia đình tôi cũng đã có phương án trả nợ cụ thể như trình bày ở trên tùy theo điều kiện nào trước. Nếu đến hạn công ty chúng tôi không thanh toán khoản nợ như

cam kết thì phía ngân hàng cũng như Tòa án thị xã C tiến hành phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định.”.

* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Đặng Quốc T, bà Nguyễn Đặng Thùy T1, ông Nguyễn Đặng Quốc T2, bà Lai Thị T3, bà Võ Hồng C, em Nguyễn Quốc V1, Em Nguyễn Nhật L (đại diện theo pháp luật cho em V1, em L là ông Nguyễn Đặng Quốc T2, bà Võ Hồng C), ông Nguyễn Văn L1, bà Phan Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh L2, bà Nguyễn Đặng Thanh T4, bà Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn H1, chị Huỳnh Thị Yến N2, ông Nguyễn Văn T5 vắng mặt đã được Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Riêng ông Nguyễn Đặng Quốc T2 có văn bản đề ngày 10/6/2024 trình bày ý kiến như sau:

“... Sau khi nhận được giấy mời của Tòa án tôi có liên hệ với anh tôi là Phan Đắc N làm việc xem vấn đề nợ nần của ngân hàng X có hướng giải quyết gì chưa thì anh tôi trả lời là đang kêu bán:

1/ Thừa đất (có nhà xưởng gắn liền với đất) ở ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang diện tích 836,5 m² do vợ chồng anh chị tôi đứng tên đồng sở hữu có giá trị khoảng 2,5 tỷ đến 2,7 tỷ.

2/ Thừa đất tọa lạc tại đường L, khu phố C, phường E, TX C diện tích 985,2 m² do chú tôi đứng tên chủ sở hữu. Giá trị thừa đất này hơn 10 tỷ. Đồng thời anh đang làm thủ tục sang tên thừa đất đường Lê Quang C1 cho người cháu bà con của anh tôi làm thủ tục vay ngân hàng (do anh tôi bị nợ xấu) không đứng vay được để có tiền hoàn trả tiền nợ lại cho ngân hàng A trong thời gian sớm nhất có thể.

Đồng thời Cty Thế Bảo của anh tôi cũng có làm công văn gửi đến Tòa án đưa ra hướng xử lý phần nợ là hơn 3 tỷ đồng và đã cam kết chậm nhất đến 15.2.2025 anh tôi sẽ trả dứt điểm nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Nếu đến hạn mà anh tôi không thanh toán khoản nợ như cam kết thì:

1/ Tôi và gia đình sẽ chạy tiền để trả lại phần tôi bảo lãnh cho anh tôi vay.

2/ Nếu tôi và gia đình tôi không có tiền trả cho ngân hàng thì phía ngân hàng cũng như Tòa án thị xã C tiến hành phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định.”.

Ông Nguyễn Văn L1 có văn bản đề ngày 10/6/2024 thể hiện nội dung “... Sau khi nhận được giấy mời của Tòa án gia đình tôi có liên hệ với em tôi là Phan Đắc N làm việc xem vấn đề nợ nần của ngân hàng X có hướng giải quyết gì chưa thì em tôi trả lời là đang kêu bán:

1/ Thừa đất (có nhà xưởng gắn liền với đất) ở ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang diện tích 836,5 m² do vợ chồng em tôi đứng tên đồng sở hữu có giá trị khoảng 2,5 tỷ đến 2,7 tỷ.

2/ Thừa đất tọa lạc tại đường L, khu phố C, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang diện tích 985,2 m² do em tôi đứng tên chủ sở hữu. Giá trị thừa đất này hơn 10 tỷ. Đồng thời em đang làm thủ tục sang tên thừa đất đường Lê Quang C1 cho người cháu bà con của tôi làm thủ tục vay ngân hàng (do em tôi bị nợ xấu gì đó không đứng vay được để có tiền hoàn trả tiền nợ lại cho ngân hàng A trong thời gian sớm nhất có thể).

Đồng thời Cty Thế Bảo của em tôi cũng có làm công văn gửi đến Tòa án đưa ra hướng xử lý phần nợ là hơn 03 tỷ đồng và cam kết chậm nhất đến ngày 15/2/2025 em tôi sẽ trả dứt điểm nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Nếu đến hạn mà em tôi không thanh toán khoản nợ như cam kết thì:

1/ Gia đình tôi sẽ chạy tiền để trả lại phần gia đình tôi bảo lãnh cho em tôi vay.

2/ Nếu gia đình tôi không có tiền trả cho ngân hàng thì phía ngân hàng cũng như Tòa án thị xã C tiến hành phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định.”

* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đắc N trình bày:

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông thống nhất là Công ty TNHH M có vay của nguyên đơn số tiền như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Ông thống nhất số tiền nợ mà Công ty TNHH M còn nợ nguyên đơn. Ông đang làm các thủ tục để có thể hoàn trả tiền nợ vay nguyên đơn, thời gian chậm nhất 15/02/2025 thì công ty sẽ hoàn trả toàn bộ khoản tiền còn nợ nguyên đơn. Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D1 trình bày:

Ông là người bên bảo lãnh thứ ba. Hiện nay thì phần đất thuộc thừa đất số 357, tờ bản đồ 6, diện tích 10.820 m², tọa lạc ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận QSDĐ số H00096 do UBND huyện M cấp ngày 20/4/2005 cho ông Phan Văn D1. Hiện nay thì ông Phan Văn D1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng và canh tác đối với thừa đất này. Ông Huỳnh Minh T6, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1960 hiện không có sử dụng, hay canh tác thừa đất số 357 của ông.

Ông cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của ông Phan Đắc N. Về thỏa thuận giữa nguyên đơn và ông N thì ông thống nhất và không có ý kiến gì. Nếu trường hợp đến hạn trả tiền mà bị đơn không thể trả tiền được cho nguyên đơn thì đối với thừa đất số 357 mà ông đã thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo khoản vay cho Công ty TNHH M thì ông cũng đồng ý xử lý tài sản thế chấp là thừa đất số 357 theo quy định của pháp luật.

Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Còn đối với ông Huỳnh Minh T6 và bà Huỳnh Thị H2 thì ông chỉ thuê ông T6 bà H2 làm đất và trả công làm theo ngày thôi, chứ không có cho thuê luôn đất và cũng không có hợp đồng thuê đất gì. Ông D1 vắng mặt tại phiên tòa.

* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Hiện trên thửa đất mà bị đơn thế chấp nguyên đơn để vay tiền thì trước đây ông Nguyễn Văn T5 và ông Nguyễn Văn L1 có đổi đất với nhau, rồi ông mới mua lại phần đất của ông T5. Sau đó ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01256 do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/12/2011 cho ông Nguyễn Văn H. Ông cũng không biết vị trí đất cấp không đúng như vị trí hiện tại ông sử dụng. Khi Tòa án xuống xem xét thẩm định thì ông mới biết vị trí căn nhà của ông và gia đình ông đang ở lại nằm trên thửa đất bị đơn thế chấp cho nguyên đơn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì. Đối với phần nhà mà ông đang ở nằm trên thửa đất thế chấp ngân hàng thì ông và ông Nguyễn Văn L1 sẽ tự thỏa thuận với nhau. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này và tại phiên tòa ông H vắng mặt.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã:

- Căn cứ Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về dân sự:

- Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc các người thế chấp, người đồng sở hữu tài sản thế chấp là bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Đăng Quốc T, bà Nguyễn Đăng Thùy T1, ông Nguyễn Đăng Quốc T2, bà Lai Thị T3, ông Nguyễn Văn L1, bà Phan Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh L2, bà Nguyễn Đăng Thanh T4, ông Phan Đắc N, ông Phan Văn D1 phải trả cho Ngân hàng N3 tại Chi nhánh thị xã C số tiền tổng cộng là 3.080.770.988 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26/02/2024 là 80.770.988 đồng) cùng nợ lãi phát sinh đến khi tất nợ vay và các khoản phí, chi phí có liên quan.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N3 (A). Buộc Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N3 (A) tại Chi nhánh thị xã C tỉnh Tiền Giang số tiền còn nợ tính đến ngày 10/12/2024 tổng cộng là 3.361.943.689 đồng (Ba tỷ ba trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng), (trong đó tiền vốn 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), lãi 361.943.689 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/12/2024 Công ty TNHH M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi Công ty TNHH M trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng N3 trả lại cho ông Phan Văn D1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00096 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp ngày 20/4/2005 cho ông Phan Văn D1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H04364 cấp cho bà Nguyễn Đặng Thanh T4 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận ngày 02/4/2019; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02337 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/9/2007 cho hộ bà Đặng Thị Ngọc P; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02336 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/9/2007 cho hộ bà Đặng Thị Ngọc P; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01260 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/12/2011 cho ông Nguyễn Văn L1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02600 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/06/2006 cho hộ ông Nguyễn Văn L1 ; Giấy tờ: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000050 ngày 17/3/2014 của Công ty TNHH M và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004426 ngày 03/11/2017 của Công ty TNHH M cho Công ty TNHH M.

Trường hợp Công ty TNHH M không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng N3 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 0855/34/19 ngày 24/12/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0630/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0631/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0632/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0633/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 0634/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0635/34/22 ngày 28/7/2022 để thi hành số tiền nói trên.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng N3 tại Chi nhánh thị xã C chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền về chi phí tố tụng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/01/2025, bị đơn Công ty TNHH M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm tiền lãi, lãi quá hạn, tiền án phí và cho thêm thời gian để Công ty TNHH M trả tiền vay cho ngân hàng A chậm nhất hết quý I/2025 theo hợp đồng tín dụng số 6907-LAV-202302614 ngày 28/7/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 3.361.943.689 đồng tính đến ngày 10/12/2024 là phù hợp, bị đơn kháng cáo xin giảm lãi xuất là không có căn cứ và không được phía ngân hàng đồng ý nên không chấp nhận, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được thời gian trả nợ là đến ngày 01/7/2025 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này, cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn Công ty TNHH M chịu 300.000 đồng án phí đối với chi phí tố tụng là chưa phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Công ty TNHH M nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Đăng Quốc T, bà Nguyễn Đăng Thùy T1, ông Nguyễn Đăng Quốc T2, bà Lai Thị T3, bà Võ Hồng C, em Nguyễn Quốc V1, em Nguyễn Nhật L (đại diện theo pháp luật cho em V1 em L là ông Nguyễn Đăng Quốc T2, bà Võ Hồng C), ông Nguyễn Văn L1, bà Phan Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh L2, bà Nguyễn Đăng Thanh T4, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn H1, chị Huỳnh Thị Yên N2, ông Nguyễn Văn T5, ông Phan Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung yêu cầu của Ngân hàng N3 (A) và yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH M:

Ngân hàng N3 (A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn M (đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thảo Q1) có ký hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6907-LAV-202302614 ngày 28/7/2023;

- Số tiền cấp hạn mức: 3.000.000.000 đồng.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày 28/7/2024;

- Lãi suất vay: 9%/năm;

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;

- Lãi chậm trả đối với khoản vay không trả đúng hạn được tính bằng (số dư nợ lãi bị quá hạn x với số ngày quá hạn x 10 %/năm: 365);

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng nêu trên của Công ty trách nhiệm hữu hạn M thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Công ty trách nhiệm hữu hạn M May Thế B đã ký với A những hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 0855/34/19 ngày 24/12/2019.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0630/34/22, 0631/34/22, 0632/34/22, 0633/34/22 cùng ngày 28/7/2022.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 0634/34/22 ngày 28/7/2022.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0635/34/22 ngày 28/7/2022.

A đã giải ngân và ông Phan Đắc N là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M đã rút vốn tổng số tiền: 3.000.000.000 đồng, cụ thể:

- Theo giấy nhận nợ số 6907-LDS-2023.04760 ngày 22/9/2023:

- + Số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng;
- + Phương thức giải ngân: Tiền mặt;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 22/9/2023 đến ngày 22/3/2024);
- + Phương thức trả nợ gốc: Định kỳ 06 tháng, vào ngày 22/3/2024;
- + Phương thức trả lãi vay: Định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 22/12/2023, 22/3/2024;
- + Lãi suất tiền vay trong hạn hiện hành: 9,0%/năm;
- + Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả;
- + Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Theo giấy nhận nợ số 6907-LDS-2023.04786 ngày 25/9/2023:

- + Số tiền nhận nợ: 2.400.000.000 đồng;
- + Phương thức giải ngân: Chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản số 6907215085071 của bà Phạm Thị Ngọc K tại A chi nhánh thị xã C;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/3/2024);
- + Phương thức trả nợ gốc: Định kỳ 06 tháng, vào ngày 25/3/2024;
- + Phương thức trả lãi vay: Định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 25/12/2023, 25/3/2024;
- + Lãi suất tiền vay trong hạn hiện hành: 9,0%/năm;
- + Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả;
- + Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10/12/2024, Công ty TNHH M còn nợ A tổng số tiền: 3.361.943.689 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 361.943.689 đồng.

- A đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về thu hồi nợ trước hạn. Nhưng khách hàng đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc các người thế chấp, người đồng sở hữu tài sản thế chấp là bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Đặng Quốc T, bà Nguyễn Đặng Thùy T1, ông Nguyễn Đặng Quốc T2, bà Lai Thị T3, ông Nguyễn Văn L1, bà Phan Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh L2, bà Nguyễn Đặng Thanh T4, ông Phan Đắc N, ông Phan Văn D1 phải trả cho Ngân hàng N3 – Chi nhánh thị xã C số tiền tổng cộng là 3.080.770.988 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến

ngày 26/02/2024 là 80.770.988 đồng) cùng nợ lãi phát sinh đến khi tắt nợ vay và các khoản phí, chi phí có liên quan. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty TNHH M phải trả cho Ngân hàng N3 – Chi nhánh thị xã C số tiền tổng cộng là 3.361.943.689 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 10/12/2024 là 361.943.689 đồng) cùng nợ lãi phát sinh đến khi tắt nợ vay và các khoản phí, chi phí có liên quan. Trả một lần khi án có hiệu lực thi hành. Trong trường hợp chậm trả, đề nghị tính lãi phạt chậm thi hành đến ngày trả dứt nợ. Nếu Công ty TNHH M không trả nợ. Đề nghị cơ quan pháp luật phát mãi tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 10/12/2024 tổng cộng là 3.361.943.689 đồng, trường hợp Công ty TNHH M không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng N3 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thi hành số tiền nói trên nhưng bị đơn không đồng ý nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm tiền lãi, lãi quá hạn, tiền án phí và cho thêm thời gian để Công ty TNHH M trả tiền vay cho ngân hàng A chậm nhất hết quý I/2025 theo hợp đồng tín dụng số 6907-LAV-202302614 ngày 28/7/2023.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng N3 (A) - Chi nhánh thị xã C với Công ty trách nhiệm hữu hạn M đã ký kết hợp đồng tín dụng số 6907-LAV-202302614 ngày 28/7/2023 và các hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho việc vay vốn đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, khi giải quyết vụ án Công ty trách nhiệm hữu hạn May Thế B có đại diện theo pháp luật là bà Phan Thảo Q1 có văn bản gửi đến Tòa án cũng thống nhất là còn nợ ngân hàng số tiền vốn, lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý trả nợ vốn, lãi theo yêu cầu của ngân hàng (BL 190). Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N3 (A) là có căn cứ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn M kháng cáo yêu cầu xin thêm thời gian để thanh toán nợ cho ngân hàng và cam kết thanh toán chậm nhất đến ngày 01/7/2025 được phía ngân hàng đồng ý nên yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn May Thế B về nội dung này là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm lãi của bị đơn không được phía ngân hàng đồng ý tại phiên tòa phúc thẩm và bị đơn cũng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo này của mình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M chịu 300.000 đồng án phí đối với chi phí thẩm định tại chỗ là không có căn cứ, cần sửa án sơ thẩm về phần này.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn M.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ Điều 157, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc các người thế chấp, người đồng sở hữu tài sản thế chấp là bà Đặng Thị Ngọc P, ông Nguyễn Đăng Quốc T, bà Nguyễn Đăng Thùy T1, ông Nguyễn Đăng Quốc T2, bà Lai Thị T3, ông Nguyễn Văn L1, bà Phan Thị Ngọc D, ông Nguyễn Minh L2, bà Nguyễn Đăng Thanh T4, ông Phan Đắc N, ông Phan Văn D1 phải trả cho Ngân hàng N3 tại Chi nhánh thị xã C số tiền tổng cộng là 3.080.770.988 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26/02/2024 là 80.770.988 đồng) cùng nợ lãi phát sinh đến khi tất nợ vay và các khoản phí, chi phí có liên quan.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N3 (A). Buộc Công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N3 (A) tại Chi nhánh thị xã C tỉnh Tiền Giang số tiền còn nợ tính đến ngày 10/12/2024 tổng cộng là 3.361.943.689 đồng (Ba tỷ ba trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng), (trong đó tiền vốn 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), lãi 361.943.689 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng)).

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng N3 (A) và Công ty TNHH M về việc: Ngân hàng N3 (A) đồng ý cho Công ty TNHH M thêm thời gian trả hết số nợ đến ngày 01/7/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/12/2024 Công ty TNHH M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi Công ty TNHH M trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng N3 trả lại cho ông Phan Văn D1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H00096 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp ngày 20/4/2005 cho ông Phan Văn D1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H04364 cấp cho bà Nguyễn Đặng Thanh T4 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang xác nhận ngày 02/4/2019; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02337 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/9/2007 cho hộ bà Đặng Thị Ngọc P; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02336 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/9/2007 cho hộ bà Đặng Thị Ngọc P; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01260 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/12/2011 cho ông Nguyễn Văn L1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy H02600 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/06/2006 cho hộ ông Nguyễn Văn L1 ; Giấy tờ: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000050 ngày 17/3/2014 của Công ty TNHH M và hóa đơn giá trị gia tăng số 0004426 ngày 03/11/2017 của Công ty TNHH M cho Công ty TNHH M.

Trường hợp Công ty TNHH M không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng N3 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số: 0855/34/19 ngày 24/12/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0630/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0631/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0632/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0633/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số: 0634/34/22 ngày 28/7/2022; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0635/34/22 ngày 28/7/2022 để thi hành số tiền nói trên.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng N3 tại Chi nhánh thị xã C chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền về chi phí tố tụng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH M phải chịu 99.238.874 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng N3 (A) 46.807.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm lẻ bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004808 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã C.

4.2. Án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn lại Công ty trách nhiệm hữu hạn M 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000621 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong